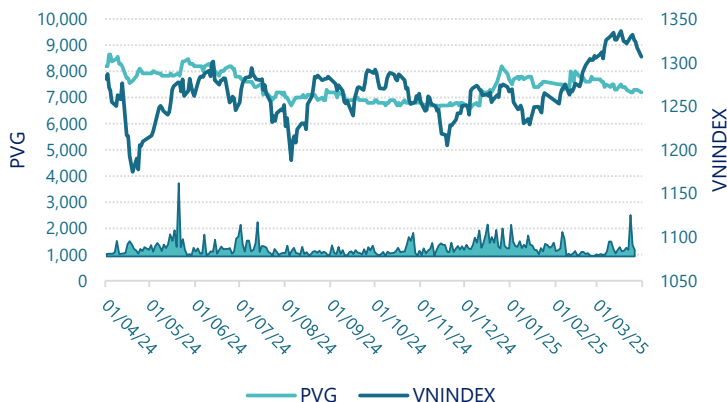




CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam (HNX: PVG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,646
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
SL cổ phiếu LH	39,998,522
KLGD BQ 20 phiên (CP)	53,150
% sở hữu nước ngoài	6.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	288
P/E	20.4
EPS	354

DT thuần

Q1/25

1,449

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 161 | 12.5%

YoY: ▲ 463 | 46.9%

LN sau thuế

Q1/25

2.88

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.87 | -39.4%

YoY: ▲ 1.86 | 182%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

0.3%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2024

5,196

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 814 | 18.6%

LN sau thuế

2024

12.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.7 | 1077%

ROE

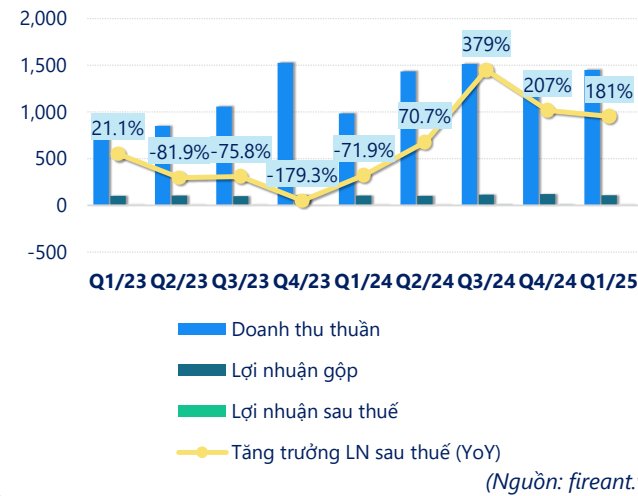
2024

2.6%

+/- YoY: ▲ 2.4%

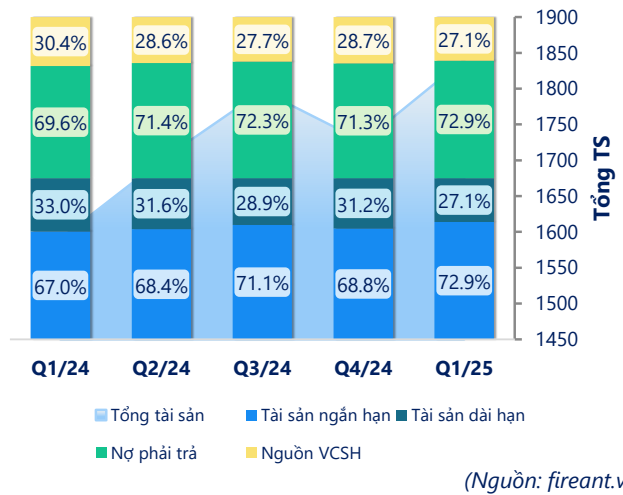
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

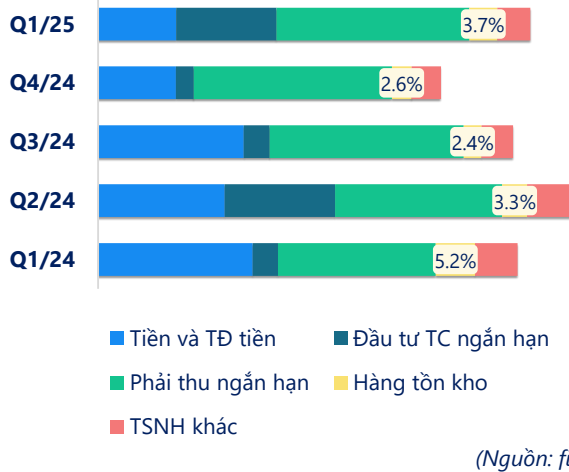


Cơ cấu Tổng tài sản

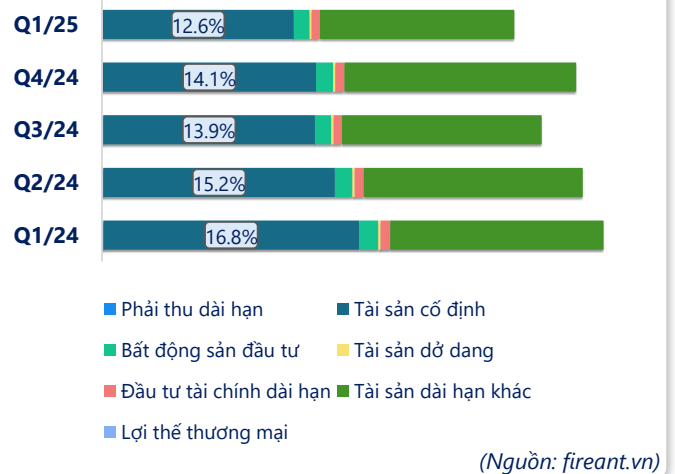
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

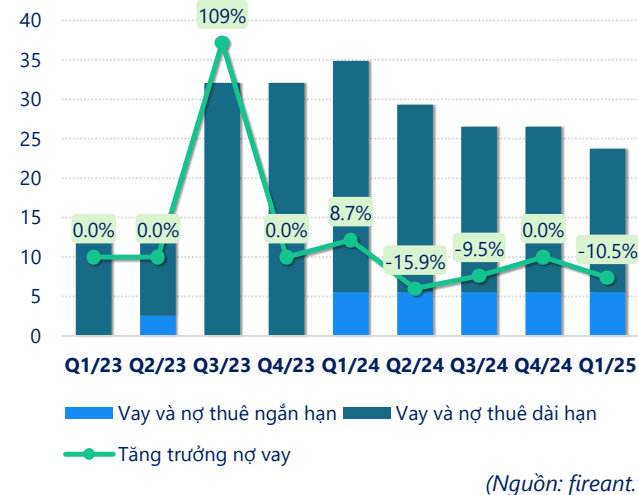


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



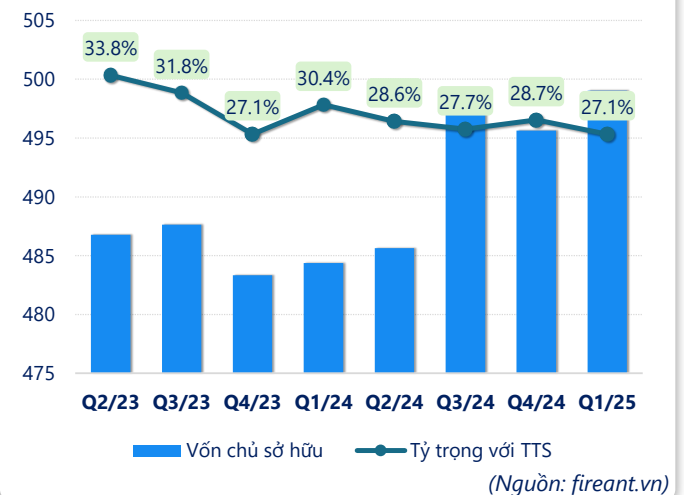
tỷ VNĐ

Nợ vay

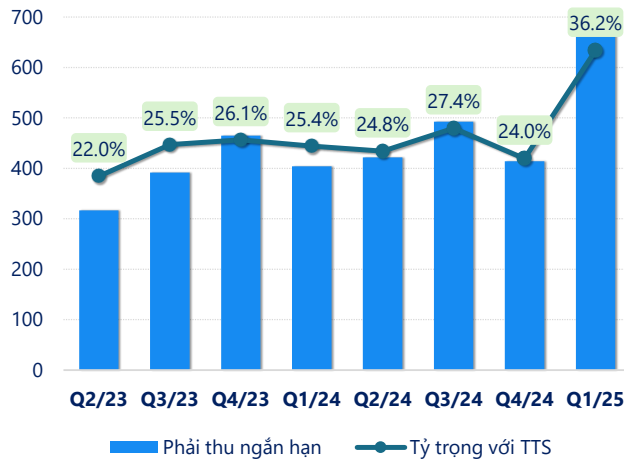


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

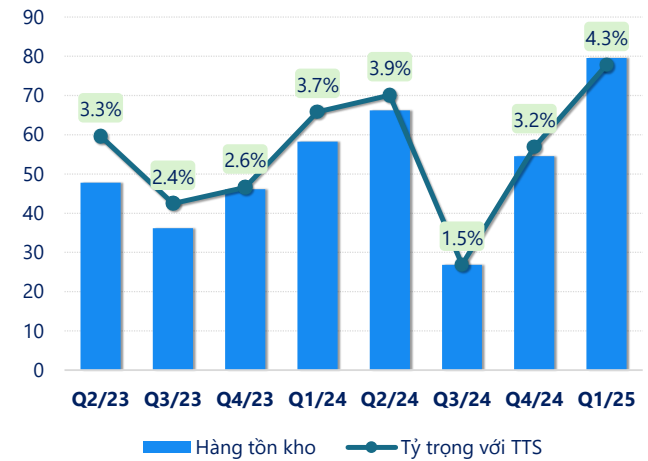


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


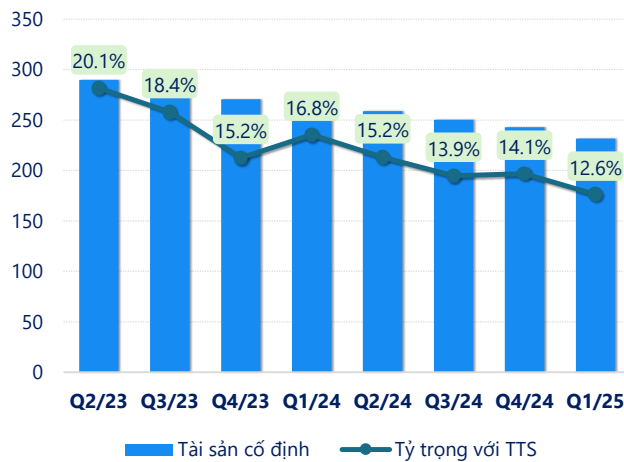
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


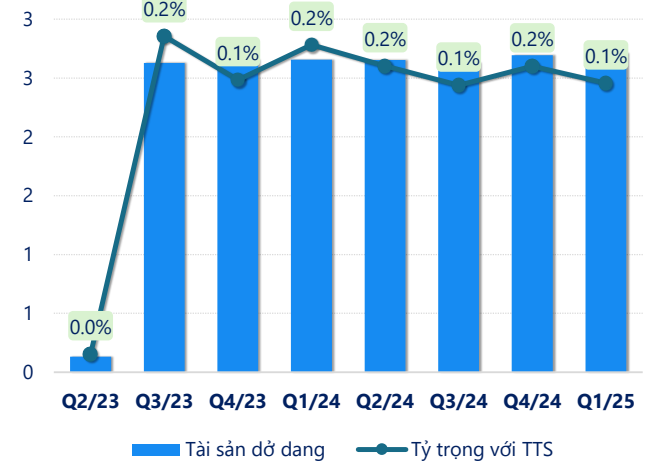
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

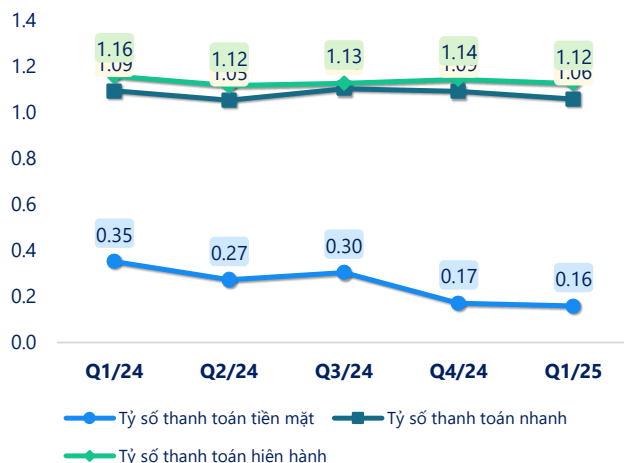
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

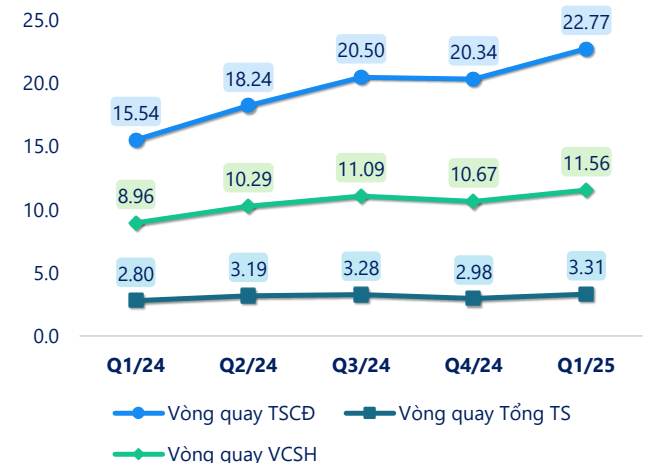
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	1,591	1,700	1,797	1,726	1,841
Tài sản ngắn hạn	1,066	1,162	1,277	1,187	1,341
Tiền và tương đương tiền	324	283	345	177	190
Đầu tư tài chính ngắn hạn	210	310	327	448	294
Phải thu ngắn hạn	404	422	493	414	666
Hàng tồn kho	58.2	66.2	26.9	54.5	79.6
Tài sản ngắn hạn khác	69.6	80.9	85.7	94.2	112
Tài sản dài hạn	525	538	520	539	499
Phải thu dài hạn	1.63	1.69	1.69	0.65	0.65
Tài sản cố định	268	259	250	243	232
Bất động sản đầu tư	19.9	19.7	19.5	19.3	19.1
Tài sản dở dang	2.66	2.65	2.63	2.69	2.71
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0
Tài sản dài hạn khác	223	245	236	264	235
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,106	1,214	1,300	1,231	1,342
Nợ ngắn hạn	920	1,040	1,133	1,038	1,192
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.56	5.56	5.56	5.56	5.56
Phải trả người bán ngắn hạn	899	988	1,095	999	1,143
Nợ dài hạn	186	174	167	193	149
Vay và nợ thuê dài hạn	29.3	23.7	21.0	21.0	18.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	484	486	497	496	499
Vốn chủ sở hữu	484	486	497	496	499
Vốn điều lệ	365	365	400	400	400
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)